

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số 59/2018/HNGĐ-ST

Ngày 21/8/2018.

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**ÑỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG – TỈNH BẮC GIANG**

Với thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Ngừ.
- Các hội thẩm nhân dân: Ông Giáp Đức Sơn.
Ông Nguyễn Quang Vinh.
- Th- ký ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Cường – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện L.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hiên – Kiểm sát viên.

Ngày 21/8/2018 tại trụ sở toà án nhân dân huyện Lạng Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 153/2018/TLST-HNGĐ ngày 02/5/2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 124/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25/7/2018 giữa các đ- ơng sự:

+ **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1975; (có mặt)
Nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
Trú tại: Thôn V, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang

+ **Bị đơn:** Anh Lương Tiến H, sinh năm 1975; (vắng mặt)
Nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Hiện đang chấp hành án tại trại giam Vĩnh Quang, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án, chị Nguyễn Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Lương Tiến H ngày 15/01/2000 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2009, do kinh tế khó khăn chị đi lao động xuất khẩu tại Đảo Síp. Anh H ở nhà chơi bời, mắc nghiện ma túy và phải cai nghiện bắt buộc 2 năm. Sau khi đi cai

nghiện về anh H lại phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy bị Tòa án nhân dân huyện L xử phạt 30 tháng tù, hiện đang chấp hành án tại trại giam Vĩnh Quang, tỉnh Vĩnh Phúc. Tháng 10/2017 chị về nước thì nhà cửa đột nát, không còn tài sản gì nên chị bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống, vợ chồng cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ đó. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lương Thị Th, sinh ngày 25/11/2001 đang ở cùng chị. Nay ly hôn chị đề nghị được nuôi con chung, tiền cấp dưỡng nuôi con không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

Anh Lương Tiến H là bị đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận lời trình bày của chị Q về thời gian và điều kiện kết hôn là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh tại thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Năm 2009 vợ anh đi xuất khẩu lao động tại Đảo Síp, anh ở nhà chăm sóc con cái. Năm 2011 anh phải đi cai nghiện đến năm 2013 thì được về, năm 2017 bị Tòa án nhân dân huyện L xử phạt 30 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Anh đang chấp hành án tại trại giam Vĩnh Quang, tỉnh Vĩnh Phúc, chỉ còn khoảng 5 tháng nữa là chấp hành xong án. Nay chị Q xin ly hôn anh không đồng ý, anh không muốn ly hôn vào thời điểm này, sau khi ra tù anh sẽ giải quyết.

Về nuôi con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 01 con chung như chị Q khai là đúng, hiện tại cháu đang sống chung cùng chị Q, khỏe mạnh và phát triển bình thường. Nếu chị Q kiên quyết ly hôn thì anh đề nghị được nuôi con chung và không yêu cầu chị Q góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh vắng mặt tại phiên tòa ngày 09/8/2018 và phiên tòa ngày 21/8/2018.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật và đề xuất giải quyết về nội dung vụ án:

*** Về việc tuân theo pháp luật:**

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình điều tra giải quyết vụ án và của HĐXX tại phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của BLTTDS.

- Bị đơn chấp hành không đầy đủ do sự kiện bất khả kháng.

*** Về hướng giải quyết vụ án:** Đề nghị HĐXX xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Q ly hôn anh Lương Tiến H.

- Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lương Thị Th, sinh ngày 25/11/2001.

Ngoài ra đại diện VKS còn đề nghị giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự, của kiểm sát viên, HĐXX nhận định.

[1].*Về tố tụng*: Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng cho anh Lương Tiến H theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh H không thể đến Tòa án làm việc do sự kiện bất khả kháng. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt anh H.

[2].*Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Q và anh Lương Tiến H kết hôn với nhau năm 2000, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các Điều 5, 6, 7, 8 Luật hôn nhân gia đình năm 1986.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2009 thì chị Q đi xuất khẩu lao động tại Đảo Síp, anh H ở nhà chơi bời và nghiện ma túy, phá tán tài sản gia đình. Tháng 10/2017 chị Q về nước thì nhà cửa đột nát, không còn tài sản gì nên chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Xét thấy, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được chị Q xin ly hôn chính đáng, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận.

[3].*Về nuôi con chung*: Theo lời khai của các đương sự và tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì thấy chị Q và anh H có 1 con chung là Lương Thị Th, sinh ngày 25/11/2001. Cả chị Q và anh H đều có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu bên kia góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

HĐXX xét thấy: Mặc dù tại phiên tòa cháu Lương Thị Th có nguyện vọng được ở cùng anh H nhưng do anh H đang phải chấp hành án trong Trại giam nên không có khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con nên HĐXX giao cháu Th cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Khi nào anh H chấp hành án xong, nếu có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con thì khởi kiện bằng vụ án khác. Do chị Q không yêu cầu anh H góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Về tài sản, công nợ các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[4].*Về án phí*: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị Q không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[5].*Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Q ly hôn anh Lương Tiến H.

[2]. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Q trực tiếp nuôi con chung là Lương Thị Th, sinh ngày 25/11/2001.

Tiền cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét đến khi các đương sự có yêu cầu.

Anh Lương Tiến H được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn. Chị Nguyễn Thị Q cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q không phải chịu án phí ly hôn.

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Q 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2016/0004455, ngày 02/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạng Giang.

[4]. Về quyền kháng cáo:

Báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- THA huyện L;
- UBND xã T.
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Nguyễn Văn Ngữ